TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16- 3 - 2021.
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Sơn Hùng;

2. Ông Lê Trung Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa*: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 626/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số 54/5 ấp TQ, xã TP, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: ÔngTrần Thanh Nh, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp HT, xã ĐHC, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 9 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nh kết hôn năm 2005 (lúc kết hôn bà đang mang thai), hôn nhân do tự tìm hiểu, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 12/7/2005. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng dần về sau thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên phát sinh mâu thuẫn ông, bà hay cãi nhau, trong thời gian chung sống có vài lần ông Nh đánh bà, thường xuyên chửi bà, không cho bà về quê thăm cha mẹ ruột, vợ chồng không còn tiếng nói chung, sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay bà nhận thấy tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm của bà với ông Nh nên bà yêu cầu ly hôn ông Trần Thanh Nh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị D M, sinh năm 2005, hiện con chung đang sống với ông Nh. Ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn ông Trần Thanh Nh đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông Nh vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của ông.*

Tại phiên tòa:

Bà Phạm Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trần Thanh Nh vắng mặt.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến*:

+ Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà D ly hôn ông Nh. Giao con chung D M cho ông Nh trực tiếp nuôi dưỡng, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Do bà D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Nh tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy đăng ký kết hôn số 46 ngày 12/7/2005 là phù hợp quy định của pháp luật theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014, nên hôn nhân giữa bà D và ông Nh là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Theo bà D trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hòa hợp nên đã ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau nhưng ông Nh vắng mặt chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Qua xác minh, địa phương xác định ông Nh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Hưng Trung, xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Mâu thuẩn vợ chồng giữa bà D và ông Nh như thế nào địa phương không rõ. Hiện tại bà D không còn chung sống với ông Nh.

Xét thấy, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng giữa ông Nh và bà D không thực hiện được nghĩa vụ vợ chồng đối với nhau, trong thời gian chung sống ông bà đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay. Không còn qua lại thăm nom, chăm sóc nhau. Cho thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẩn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà D yêu cầu ly hôn ông Nh là có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị D M, sinh năm 2005, hiện con chung đang sống với ông Nh. Sau khi ly hôn bà D đồng ý giao cháu D M cho ông Nh trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con, ông Nh không có ý kiến về việc trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Từ khi ly thân đến nay cháu D M sống ổn định cùng ông Nh. Đồng Thời, cháu D M cũng có nguyện vọng muốn được sống với cha. Để ổn định tâm lý, cuộc sống, sinh hoạt, học tập của con chung và bà D cũng đồng ý giao cháu M cho ông Nh tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Trần Thị D M cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Nh không yêu cầu.

Ông Nh và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà D trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị D được ly hôn ông Trần Thanh Nh.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 12 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà Phạm Thị D và ông Trần Thanh Nh không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà D và ông Nh có 01 con chung tên Trần Thị D M, sinh năm 2005, hiện con chung đang sống với ông Nh.

Giao con chung Trần Thị D M cho ông Nh trực tiếp nuôi dưỡng, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nh và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà D trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 0008478 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị D và ông Trần Thanh Nh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, xã Đào Hữu Cảnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoàng Vũ